

Quả cân F1-10 mg

Hãng sản xuất: Changzhou Accurate Weight Co.,Ltd

Quả cân F1-10 mg

ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT

- Cấp chính xác F1: không hóc điều chỉnh.
- Theo tiêu chuẩn đo lường quốc tế OIML.
- Theo tiêu chuẩn đo lường ĐLVN 50:2009.
- Hiệu chuẩn chuẩn theo đo lường ĐLVN 286:2015.
- Chất liệu: INOX 304 (thép không gỉ).
- Hộp đựng: Nhựa ABS màu trắng
- Định danh: **10 mg**
- Sai số cho phép (+/-): 0.025 mg
- Khối lượng riêng: 7.9g / cm³
- Từ tính: ≤25μT
- Hình dạng: tam giác
- Ứng dụng: Kiểm định /hiệu chuẩn cân cấp chính xác I và II, III) Kiểm tra nội bộ cho cân thông dụng, cân phân tích, cân kỹ thuật.



Thông số kỹ thuật:



MODEL	F1-10 mg
Định danh	10 mg
Hóc điều chỉnh	Không hóc điều chỉnh
Chất liệu	Inox 304 (thép không gỉ)
Hình dạng	Hình tam giác
Sai số cho phép (+/-)	0.025 mg
Khối lượng riêng	7.9g / cm ³
Từ tính	≤ 25μT
Kích thước hộp	(Ø39 x chiều cao 56) mm
Hộp đựng	Hộp nhựa ABS màu trắng
Hiệu chuẩn	ĐLVN 50:2009 hoặc ĐLVN 286:2015
Trọng lượng	0.020 kg

F1 10 mg Calibration Weights

Manufacturer: Changzhou Accurate Weight Co.,Ltd

F1 10 mg Calibration Weights

Product Description

- OIML: F1
- Value: 10 mg
- Shape: Flat
- Structure: Solid
- Material: Stainless Steel
- Density: 7.90 g/cm³;
- Magnetic Susceptibility: <0.08
- Package: ABS box
- Calibration: ĐLVN 50:2009 or ĐLVN 286:2015
- Tolerance: ± 0.025 mg

Applications: Verification and calibration of Class I, II, and III weighing instruments; internal testing of general-purpose scales, analytical balances, and precision balances.



Product Description:



OIML	F1
Value	10 mg
Structure	Solid
Material	Stainless Steel
Shape	Flat
Tolerance (+/-)	0.025 mg
Density	7.9 g / cm ³
Magnetic Susceptibility	<0.08
Box Dimensions	(Ø39 x 56) mm
Package	ABS box
Calibration	ĐLVN 50:2009 or ĐLVN 286:2015
Gross Weight	0.020 kg